

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Luprosil® Salt

Sử dụng: Chất phụ gia cho ngành thức ăn chăn nuôi.

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.1

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Cảnh báo:
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:
H318 Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.

Biện pháp phòng ngừa:
P280 Trang bị bảo vệ mắt/ mặt.

Lưu ý khi tiếp xúc:
P305+P351+P338 **NẾU VẮNG VÀO MẮT:** Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút.
Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P310 Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:
Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

calcium dipropionate
Số CAS: 4075-81-4

Thành phần nguy hại

calcium dipropionate
Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$ Eye Dam./Irrit.: Cat. 1
Số CAS: 4075-81-4

Paraffin oils
Hàm lượng (W/W): $\geq 1\%$ - $< 3\%$ Aquatic Chronic: Cat. 4
Số CAS: 8012-95-1

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí.

Khi tiếp xúc với da:
Ngay lập tức rửa kỹ với nhiều nước, mặc áo quần khô, xin ý kiến tư vấn chuyên môn về da.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Khi tiếp xúc với mắt:

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột, bột khô, cacbon dioxide

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Tránh làm quay hoặc đảo vòng vật liệu/ sản phẩm vì bụi nổ nguy hiểm.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Tránh bụi. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không thổi bụi. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi. Quá trình vệ sinh sản xuất chỉ nên được thực hiện khi đeo thiết bị trợ thở.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh bụi. Trang bị hệ thống thông thoáng hút nếu xuất hiện bụi hoá chất. Đóng chặt thùng chứa
Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, kính, giấy

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Paraffin oils, 8012-95-1;

Giá trị TWA 5 mg/m³ (ACGIHTLV), thành phần có thể hít phải

Giá trị STEL 10 mg/m³ (OEL (VN)), Dạng sương

Giá trị TWA 5 mg/m³ (OEL (VN)), Dạng sương

Thiết bị bảo hộ cá nhânBảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có bụi. Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ thấp hơn hoặc tác động ngắn: Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2) Khi người lao động phải chịu nồng độ trên Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, họ phải sử dụng các thiết bị hô hấp được cấp phép thích hợp.

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc
 Tránh tiếp xúc với mắt Không thổi bụi Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	bột
Màu sắc:	gần như trắng
Mùi:	gần như không mùi
Ngưỡng mùi:	không được xác định
Giá trị pH:	8 - 10 (nước, 10 %(m), 20 °C)
điểm nóng chảy (phân hủy):	245 °C
Điểm sôi:	bị chảy nhỏ giọt
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn
Phân huỷ do nhiệt:	tương đương 245 °C
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2. (VDI 2263, tờ 1, 1.4.1)
SADT:	Không có sẵn các dữ liệu.
Năng lượng đánh lửa tối thiểu:	> 80 - < 160 mJ (20 °C) (VDI 2263, tờ 1, 2.5)
	Tính cảm ứng: 1 mH
	Xếp loại kích thước hạt: < 60 µm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Nguy cơ nổ: Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.

Những đặc tính làm tăng cháy: không cháy lan

Áp suất hơi: 3.99 hPa
 (23 °C)
 Sản phẩm chưa được thử nghiệm.
 Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Tỷ trọng: 1.41 g/cm³
 (20 °C, 1,013.25 hPa)

Tỷ trọng tương đối: 1.41
 (20 °C, 1,013.25 hPa)

Tỷ trọng thể tích/mật độ khối: tương đương 500 kg/m³

Tỷ trọng hơi (không khí): Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.

Tính tan trong nước:

250 g/l
 (20 °C)

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): -4.36 (được đo lường)
 (25 °C)

Tính nhớt, động lực:

không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Tránh tích tĩnh điện. Tránh bụi.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 245 °C

Những chất cần tránh:

Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Khả năng phản ứng:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50chuột (miệng): tương đương 6,400 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 19.7 mg/l 1 h (OECD hướng dẫn 403)
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Thí nghiệm hơi nước.

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không gây kích ứng da. Có thể gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm Draize)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Không có tác dụng mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Không dữ liệu đáng tin cậy nào cho thấy có liên quan đến hoạt tính gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:
Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:
Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không có sẵn các dữ liệu.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Độc với loài cá:
LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:
EC50 (48 h) > 500 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 79/831/EEC, tính điện)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:
EC50 (72 h) > 500 mg/l, *Scenedesmus subspicatus* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:
EC10 (17 h) 350 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 8, ở dưới nước)
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

EC20 (30 min) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính (DIN EN ISO 8192, hiếu khí)

Độc mãn tính cho loài cá:
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):

Có thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:

74 % BOD của ThOD (30 d) () (hiếu khí, chất thải sinh hoạt, không được thích ứng)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Không có khả năng tích lũy trong sinh khối. Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID
Tên vận chuyển thích hợp
của Liên Hợp Quốc:
Lớp nguy hiểm trong vận
chuyển:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui
định vận tải

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
 Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng
Ô nhiễm hàng hải: không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable
Marine pollutant: no

Special precautions for user: None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 29.12.2023
Sản phẩm: **Luprosil® Salt**

Phiên bản: 4.1

(30041137/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.